TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 10/2022/HNGĐ - ST
Ngày 21-01-2022
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Yến; Ông Võ Thanh Tân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 478/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Số 52/8, khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Thùy T, sinh năm 1999. Có mặt

Địa chỉ: Số 193/86A, khóm T, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Lê Văn P trình bày: Năm 2018, ông P và T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, cả hai đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L ngày 08/8/2018, đây là hôn nhân lần thứ nhất của ông và lần thứ nhất của bà T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình cả hai không hợp, bà T có thái độ không tôn trọng mẹ chồng nên vợ chồng thường dẫn đến cự cãi và đã ly thân nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2018 và Lê Hoàng H, sinh năm 31/10/2019, hiện con chung đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 18/01/2021 và quá trình tố tụng, bị đơn Lê Thùy T trình bày: Bà T thống nhất với phần trình bày của ông P về thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và những mâu thuẫn xảy ra trong quá trình chung sống. Ông P thường xuyên bạo hành bà T và cha mẹ chồng cũng thường xuyên chửi và đuổi bà ra khỏi nhà. Nay, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý; Về con chung: Thống nhất với ông P có 02 con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2018 và Lê Hoàng H, sinh năm 31/10/2019, hiện đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn; Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu được nuôi con chung; Về cấp dưỡng: Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000đ và được ông P đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai thống nhất không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy trích lục kết hôn số 663/TLKH.BS ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L,

tỉnh An Giang, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn, bị đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên để hàn gắn quan hệ vợ chồng, cùng chăm lo cho con chung nhưng cả hai thống nhất ly hôn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có thống nhất có 02 con chung Lê Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2018 và Lê Hoàng H, sinh năm 31/10/2019. Nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét thấy, con chung đang được bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng và cả hai thừa nhận bị đơn là người trực tiếp nuôi con từ tháng 6/2021 đến nay. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập cá nhân của bị đơn (mua bán tự do tại chợ X, phường P, thành phố L, thu nhập hàng tháng trên 10.000.000đ, có xác nhận của Ban quản lý chợ) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn cùng các thành viên gia đình của bị đơn không được cản trở nguyên đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông P. Ông P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2018 và Lê Hoàng H, sinh năm 31/10/2019 hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (21/01/2022) cho đến khi con chung thành niên, khỏe mạnh.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Lê Văn P và bị đơn Lê Thùy T. Hôn nhân của ông P và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà Lê Thùy T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2018 và Lê Hoàng H, sinh ngày 31/10/2019.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Ông P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Hoàng Q, sinh ngày 10/01/2018 và Lê Hoàng H, sinh năm 31/10/2019 hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (21/01/2022) cho đến khi con chung thành niên, khỏe mạnh.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết, do đương sự không yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Văn P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000679 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông P đã thực hiện xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Văn P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Q, Tp.L;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam